

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XÍN MÀN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 12-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XÍN MÀN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thành
2. Bà Trần Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Thảo Thị Ly - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Sin Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2024/TLST-HS, ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN TOÀN, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1973 tại xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng.; Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Cán bộ. Đảng, đoàn thể: Đảng viên; Trình độ học vấn: Đại học. Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Phúc L - Sinh năm: 1936 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S - Sinh năm 1936 (đã chết). Có vợ: Trần Thị H - Sinh năm: 1977 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

2. HOÀNG CHINH CHÍNH, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1993 tại xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Đảng viên; Trình độ học vấn: Trung cấp. Dân tộc: Tày. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông: Hoàng Văn Q, sinh năm: 1968 (đã chết năm 2021) và bà Hoàng Thị Q1, sinh năm: 1972. Có vợ: Hoàng Thị Thùy T - Sinh năm: 2000 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2023 đến ngày 02/02/2024 áp dụng biện pháp bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1: Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1985 và ông Đinh Đức D, sinh năm 1995. Thuộc Văn phòng luật sư Kết N; Địa chỉ: Số E V, phường S, quận L, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Chinh C: Ông Âu Đức N1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Thập H2 - sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Sin Văn T2 - sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

- Chị Đinh Thị T3, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Đức D1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Thèn Văn X, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ C, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Lèng Xuân Đ1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Nông Văn V, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã B, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Hoàng Minh T4, sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi làm việc: Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Hoàng Văn S1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Ngô Trường M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ D, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Lê Thúy A, sinh năm 1972; Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ D, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017 ông Nguyễn Tháp H2 có mua thửa đất nông nghiệp giáp với sông C thuộc thôn V thị trấn C, huyện X của ông Xin K May với giá 140.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy mua bán với nhau, chưa làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Năm 2018 ông Nguyễn Tháp H2 cần tiền kinh doanh có vay Nguyễn Văn T1 và Trần Thị H 310.000.000 đồng. Ông Nguyễn Tháp H2 sử dụng giấy mua bán phần đất nông nghiệp đã lập với ông X1 Kháy M1 đưa cho Nguyễn Văn T1 để cầm cố đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Sau đó ông H2 vỡ nợ và trốn khỏi địa phương một thời gian. Đến cuối năm 2021 ông Nguyễn Tháp H2 về nhà thì phát hiện phần đất mua của ông X3 đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Xin Văn T5, trú tại thôn P, xã T, huyện X là em trai ông Xin Kháy M2.

Ngày 14/8/2020, Nguyễn Văn T1 ký ban hành kế hoạch số: 01/KH-HĐBT về việc đo đạc, kiểm đếm xây dựng khu tái định cư thị trấn C, huyện X.

Ngày 31/8/2020 UBND huyện X ban hành Quyết định số 3152/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X. Theo quyết định kiện toàn thì ông Ngô Văn T6 - Phó Chủ tịch UBND huyện X kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X; Nguyễn Văn T1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X kiêm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X.

Ngày 03/9/2020 ông Ngô Văn T6 - Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X ủy quyền cho Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X chỉ đạo, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các công trình trên địa bàn huyện X.

Ngày 04/9/2020, Nguyễn Văn T1 phân công bị cáo Hoàng Chinh C là nhân viên hợp đồng Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X phụ trách công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng khu tái định cư T theo biểu phân công thực hiện công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình, dự án do Nguyễn Văn T1 ký ban hành.

Ngày 04/01/2021, Nguyễn Văn T1 chỉ đạo tổ bồi thường gồm Hoàng Chinh C và một số người trong cơ quan phối hợp với đại diện UBND thị trấn C, đại diện thôn V, thôn S và các hộ gia đình bị thiệt hại đến thực địa để tiến hành kiểm đếm, kê khai, xác định tài sản, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc bị thiệt hại. Nguyễn Văn T1 có nói với Hoàng Chinh C là đất của hộ Xin Văn T5 được Nguyễn Văn T1 mua của người khác và nhờ ông Xin Văn T5 đứng tên hộ. Trước đó Hoàng Chinh C cùng một số người khác đã được Nguyễn Văn T1 nhờ đến thửa đất Xin Văn T5 để chặt cây, vận chuyển về làm cây chống, cốt pha xây nhà của Nguyễn Văn T1 tại Tổ B, thị trấn C, huyện X. Khi kiểm đếm hộ Xin Văn T5 không có mặt, nhưng do Nguyễn Văn T1 đã chỉ đạo trước đó nên Hoàng Chinh C vẫn tiến hành kiểm đếm. Biên bản xác nhận số liệu thu hồi đất, thiệt hại

tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất và P cung cấp thông tin về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để xây dựng dự án: Xây dựng khu tái định cư thị trấn C không có chữ ký của ông Xin Văn T5.

Sau khi kiểm đếm xong Hoàng Chinh C làm các thủ tục, hồ sơ bồi thường theo quy định. Buổi công khai có một số hộ không đến trong đó có hộ Xin Văn T5.

Ngày 05/4/2021 Nguyễn Văn T1 ký Tờ trình số: 43/TTr-TNMT về việc ban hành Quyết định thu hồi đất của các tổ chức và các hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất tại thị trấn C để xây dựng công trình: Xây dựng khu tái định cư thị trấn C, hạng mục Đường giao thông vào khu dân cư và san ủi mặt bằng.

Ngày 06/4/2021 UBND huyện X ban hành Quyết định số: 384/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình và Quyết định số: 387/QĐ-UBND Phê duyệt Phương án - Dự toán bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình. Tổng số tiền bồi thường được phê duyệt là 5.546.613.762 đồng. Hộ ông Xin Văn T5 được bồi thường 31.447.800 đồng.

Ngày 10/4/2021 tổ công tác Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện X do Hoàng Chinh C thực hiện phối hợp với UBND thị trấn C tổ chức công khai phương án - dự toán bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng khu tái định cư thị trấn C.

Sau khi có quyết định phê duyệt Phương án - Dự toán bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, tổ bồi thường phối hợp với UBND thị trấn C thực hiện chi trả tiền bồi thường cho nhân dân được bồi thường từ ngày 15/4/2021 đến ngày 17/4/2021.

Vào khoảng cuối tháng 4, đầu tháng 5 năm 2021 Nguyễn Văn T1 lấy lý do hộ ông Xin Văn T5 là người đứng tên đất cho mình nên đã chỉ đạo Hoàng Chinh C ký giả mạo chữ “Thi”, “Xin Văn T5” tại dòng có số thứ tự 65 cột “ký nhận” trong bảng thanh toán tiền bồi thường để nhận số tiền 31.447.800 đồng từ ông Nguyễn Đức D1 là thủ quỹ Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện X. Nguyễn Văn T1 lấy đi 30.000.000 đồng, trích lại 1.447.800 đồng đưa vào quỹ đơn vị để chi cho nhân viên ứng đi công tác. Nguyễn Văn T1 không nhớ số tiền trích lại đưa cho người nào.

Nguyễn Văn T1 ký báo cáo về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và một số khó khăn vướng mắc công trình: Xây dựng khu tái định cư thị trấn C. Hạng mục: Đường giao thông vào khu dân cư và san ủi mặt bằng. Địa điểm: Thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang.

Tại báo cáo số 05/BC-HĐBT ngày 11/11/2021 báo cáo về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do Nguyễn Văn T1 ký trình bày đã giải ngân được 5.416.689.659 đồng, có 4 hộ chưa đến nhận tiền, trong 4 hộ này không có hộ ông Xin Văn T5.

Đến cuối năm 2021 ông Nguyễn Thập H2 trở về nhà thì phát hiện thửa đất mà ông cầm cố để vay tiền Nguyễn Văn T1 và Trần Thị H đã bị Nguyễn Văn T1 tự ý làm thủ tục sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Xin Văn T5. Ông Nguyễn Thập H2 tố cáo hành vi chiếm đoạt đất của Nguyễn Văn T1 và Trần Thị H đến cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi cơ quan CSĐT Công an huyện X tiến hành thụ lý giải quyết vụ việc, do sợ bị phát hiện vì đã lấy số tiền bồi thường của hộ Xin Văn T5 nên Nguyễn Văn T1 đã chỉ đạo Hoàng Chinh C sửa chữ ký “T5” thành chữ “chưa” và thêm chữ “nhận tiền” thành chữ “chưa nhận tiền” vào bảng thanh toán tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư. Sau đó Nguyễn Văn T1 tiếp tục chỉ đạo Hoàng Chinh C lên UBND thị trấn C lập biên bản về việc đất hộ Xin Văn T5 đang tranh chấp nên tạm dừng việc chi trả tiền bồi thường để nộp lại số tiền bồi thường của hộ Xin Văn T5 vào Kho bạc Nhà nước huyện X và xây dựng báo cáo UBND huyện X về trường hợp đất hộ Xin Văn T5 đang tranh chấp nên đề xuất UBND huyện X hoàn trả, nộp lại tiền vào Kho bạc nhà nước huyện X.

Ngày 04/4/2022 Nguyễn Văn T1 đưa cho bà Đinh Thị T3 là thủ quỹ Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện X số tiền 30.000.000 đồng. Nguyễn Văn T1 nói với bà Đinh Thị T3 là tiền tạm ứng từ D1, nguồn từ khu tái định cư. Ngày 01/7/2022 Nguyễn Văn T1 chỉ đạo bà Đinh Thị T3 lấy 30.000.000 đồng đưa trước đó và 1.448.000 đồng từ tiền quỹ đơn vị đến Ngân hàng nông nghiệp huyện X nộp vào tài khoản tạm giữ kho bạc, chủ tài khoản là Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện X để hợp thức hóa nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

01 (một) điện thoại di động SAMSUNG Galaxy A71, vỏ màu bạc, đã qua sử dụng, điện thoại có số IMEI 1: 35340811531704, số IMEI 2: 353409118531702.

01 (một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A15s, màu đen, mặt trước điện thoại bị nứt vỡ ở cạnh viền bên trái. Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

01 (một) máy tính cá nhân, loại cầm tay, màu trắng xám, nhãn hiệu Microsoft, mã số 014355313353, bộ nhớ 256 GB, số hiệu máy: 1960, máy cũ, đã qua sử dụng, kèm theo bộ sạc và chuột máy tính.

Tài liệu thu giữ:

01 (một) Quyết định số 421/QĐ-UBND, ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng khu tái định cư thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hạng mục: Đường giao thông vào khu dân cư và san ủi mặt bằng.

- 01 (một) Quyết định số 3152/QĐ-UBND, ngày 31/8/2021 của UBND huyện X về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X.

- Các tài liệu tạm giữ theo Biên bản khám xét, ngày 19/12/2023 tại thôn P, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang.

- Các tài liệu theo Biên bản họp đánh giá tài liệu, chứng cứ vụ án Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ xảy ra năm 2018 tại thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang.

- Các tài liệu bị tạm giữ do Đinh Thị T3 giao nộp theo các Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, lập ngày 01/12/2023, ngày 06/12/2023, ngày 13/12/2023.

- Các tài liệu bị tạm giữ do Nguyễn Đức D1 giao nộp theo các Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, lập ngày 14/12/2023.

Các tài liệu bị tạm giữ theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, lập ngày 06/4/2022 tại Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X; Các tài liệu do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X giao nộp theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, lập ngày 27/11/2023; 28/11/2023; 29/11/2023; 04/12/2023 và 15/12/2023 tại Công an huyện X. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã trả lại cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện X theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 134/QĐ-ĐTTH ngày 07/5/2024

Tại kết luận giám định số: 8633/KL-KTHS ngày 05/01/2024 của V1 - Bộ C2 kết luận:

“5.1. Chữ viết cần giám định trên các mẫu ký hiệu A2, A3 so với chữ viết của Nguyễn Văn T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 do cùng một người viết ra

5.2. Không đủ cơ sở kết luận chữ “chưa” cần giám định trên mẫu ký hiệu A1 so với chữ viết của Trần Thị H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người viết ra hay không

5.3. Chữ “Chưa” cần giám định trên mẫu ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Văn T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 không phải do cùng một người viết ra

5.4. Những người có mẫu chữ viết gửi đến giám định đứng tên Trần Thị H, Nguyễn Văn T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 không viết ra các chữ “nhận tiền”, “Xin Văn T5” cần giám định trên mẫu ký hiệu A1

5.5. Nội dung nguyên thủy tại vị trí chữ “chưa” tại dòng có số thứ tự 65 cột “ký nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 xác định được là chữ, dấu “th”.

5.6. Không đủ cơ sở kết luận những người có chữ viết gửi giám định đứng tên Trần Thị H, Nguyễn Văn T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 có viết ra nội dung nguyên thủy được kết luận tại mục 5.5 hay không”.

- Ngày 11/12/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra quyết định trưng cầu giám định số 57/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng K1, Công an tỉnh H giám định

chữ viết, chữ ký của Hoàng Chinh C trên các tài liệu trong hồ sơ bồi thường của hộ Xin Văn T5. Ngày 14/12/2023 Phòng K1 Công an tỉnh H ra Kết luận giám định số 392/KL-KTHS trong đó kết luận:

“Chữ viết, chữ ký cần giám định trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Chinh C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 cùng một người viết và ký ra”.

Vật chứng đã xử lý:

Ngày 26/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X ban hành Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 95/QĐ-ĐTTH trả lại cho bà Trần Thị H 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG Galaxy A71, vỏ màu bạc, đã qua sử dụng, điện thoại có số IMEI 1: 35340811531704, số IMEI 2: 353409118531702,

Ngày 07/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X ban hành Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 135/QĐ-ĐTTH trả lại cho Hoàng Chinh C 01 (một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A15s, màu đen, mặt trước điện thoại bị nứt vỡ ở cạnh viền bên trái. Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

Ngày 08/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X ban hành Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 138/QĐ-ĐTTH trả lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X 01 (một) máy tính cá nhân, loại cầm tay, màu trắng xám, nhãn hiệu Microsoft, mã số 014355313353, bộ nhớ 256 GB, số hiệu máy: 1960, máy cũ, đã qua sử dụng, kèm theo bộ sạc và chuột máy tính.

Về bồi thường dân sự:

Ông Nguyễn Thập H2 đề nghị Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện X chi trả lại số tiền được bồi thường 31.447.800 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ông Xin Văn T5 không có yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Với hành vi nêu trên, ngày 30/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang ra bản Cáo trạng số 08/CT-VKSXM truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Hoàng Chinh C về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang phát biểu lời luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Hoàng C1 Chính phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 356, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 14 đến 18 tháng tù.

Khoản 1 Điều 356, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Chinh C 12 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng.

Áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Chinh C, do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì về nội dung luận tội, đối đáp với Kiểm sát viên.

Ý kiến tranh luận của bị cáo Nguyễn Văn T1: Bị cáo Nguyễn Văn T1 nhất trí với bản cáo trạng, không có ý kiến gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1: Nhất trí với Cáo trạng và luận tội của VKS, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Ý kiến tranh luận của bị cáo Hoàng Chinh C: Bị cáo Hoàng Chinh C nhất trí với bản cáo trạng, không có ý kiến gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Chinh C: Nhất trí với Cáo trạng và luận tội của VKS, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Chinh C 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Hoàng Chinh C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, xác định: Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình làm trái công vụ để được hưởng lợi 31.447.800 đồng; bị cáo Hoàng Chinh C không được hưởng lợi nhưng đã cố ý kiểm đếm và công khai kết quả không có mặt ông Xin Văn T5. Bị cáo C đã ký giả mạo ông T5 để cho bị cáo Nguyễn Văn T1 được nhận 31.447.800 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Hoàng Chinh C đã cấu thành tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 và, Hoàng Chinh C về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn, danh dự, uy tín của cơ quan, tổ chức mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Nguyễn Văn T1 là người có chức vụ, là người chịu trách nhiệm chính trong việc đền bù bồi thường xây dựng khu tái định cư thị trấn C. Bị cáo T1 chỉ đạo bị cáo C lập danh sách, kiểm đếm và đền bù cho hộ ông Xin Văn T5 để hưởng lợi 31.447.800 đồng. Bị cáo C là người giúp bị cáo Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo C là đồng phạm trong vụ án này với vai trò giúp sức theo khoản 3 Điều 17 Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không ai có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Nguyễn Văn T1 tự nguyện nộp số tiền chiếm đoạt vào Ngân sách nhà nước; Bị cáo Nguyễn Văn T1 có nhiều thành tích xuất sắc được cấp ủy, chính quyền huyện X và tỉnh Hà Giang ghi nhận và trao tặng nhiều giấy khen, bằng khen và nhiều danh hiệu chiến sĩ thi đua đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mẹ bị cáo Nguyễn Văn T1 là bà Nguyễn Thị X2 được Chủ tịch nước C3 tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì; bị hại ông Nguyễn Thập H2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Nguyễn Văn T1, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Chinh C: Bị cáo Hoàng Chinh C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo phạm tội lần đầu, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Nhân thân các bị cáo: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

[9] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã lợi dụng chức vụ được giao chỉ đạo cho bị cáo Hoàng Chinh C thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm chiếm đoạt 31.447.800 đồng, bị cáo là người hiểu biết pháp luật nhưng cố tình vi phạm. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo Nguyễn Văn T1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt, trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bị cáo đã chủ động nộp lại toàn bộ tài sản, khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên cần giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[10] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Chinh C: Bị cáo Hoàng Chinh C thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Văn T1, bị cáo không được hưởng lợi trong vụ án này, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 4 Điều 356 của Bộ luật hình sự các bị cáo còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra xác định bị cáo Hoàng Chinh C không giữ chức vụ gì, không có ngành nghề cố định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Chinh C. Bị cáo Nguyễn Văn T1 khi phạm tội là người giữ chức vụ Phó trưởng Phòng tài nguyên và Môi trường huyện X, Phó chủ tịch Hội đồng bồi thường tái định cư huyện X. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cấm bị cáo Nguyễn Văn T1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác quản lý đất đai một thời gian theo quy định tại khoản 4 Điều 356 của Bộ luật hình sự.

[12] Về đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận.

[13] Đối với vật chứng của vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra quyết định xử lý, các bị cáo không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Văn T1 chiếm đoạt là 31.447.800 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã nộp vào tài khoản của Phòng tài chính - kế hoạch huyện X vào ngày 01/7/2022 nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải trả lại số tiền này. Sau này ông Nguyễn Thập H2 có quyền đề nghị Hội đồng bồi thường tái định cư huyện X bồi thường tiền theo quy định của pháp luật.

[15] Về bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Thập H2 là chủ sở hữu thửa đất thuộc diện được đền bù. Ông Nguyễn Thập H2 đề nghị Hội đồng bồi thường tái định cư chi trả số tiền bồi thường cho mình là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Xin Văn T5 không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1: Đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T1 thành khẩn khai báo nhưng không có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn T1 tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án theo điểm t Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng khi xem xét các tình tiết khác và tính nghiêm trọng của tội phạm theo Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo Nguyễn Văn T1 không thuộc trường hợp được áp dụng xử phạt dưới khung hình phạt theo Điều 54 Bộ luật hình sự.

[17] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Chinh C: Người bào chữa cho bị cáo Hoàng C1 Chính đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ là điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là áp dụng với tội ít nghiêm trọng. Bị cáo Hoàng C1 Chính phạm tội nghiêm trọng nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo Hoàng Chinh C.

[18] Xét lời nói sau cùng của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[19] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Hoàng Chinh C phải chịu án phí theo quy định .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 135, Điều 260, Điều 290, Điều 298, Điều 299, Điều 326, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Khoản 1 Điều 356; điểm b, điểm s, điểm v, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Hoàng C1 Chính phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày giam giữ (Ngày 25/12/2023).

- Xử phạt bị cáo Hoàng Chinh C 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 12/8/2024).

Giao bị cáo Hoàng Chinh C cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung:

Cấm bị cáo Nguyễn Văn T1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác quản lý đất đai là 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Chinh C.

4. Về bồi thường dân sự:

Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã nộp số tiền chiếm đoạt là 31.447.800 đồng vào Ngân sách nhà nước nên không buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải trả lại số tiền này.

Bị hại ông Nguyễn Thập H2 có quyền đề nghị Hội đồng bồi thường tái định cư huyện X chi trả số tiền bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Xin Văn T5 không đề nghị có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Các bị Nguyễn Văn T1 và Hoàng Chinh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Xín Mần;
- Công an huyện Xín Mần;
- THADS huyện Xín Mần;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PC10; PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- UBND thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Nà Chì, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bình